TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2024/DS-ST
Ngày: 16-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Minh;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2024/QĐXXST-DS ngày 12/8/2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ A, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Đỗ Lệ H, sinh năm 1998. Địa chỉ: V, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Đại diện nguyên đơn bà Phạm Thị Thu T có mặt. Bị đơn bà Nguyễn Ngọc P vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn (bà Phạm Thị Thu T) trình bày:

Ngày 12/11/2022, bà Nguyễn Thị C có cho bà Nguyễn Ngọc P vay số tiền 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng). Hai bên có lập "Hợp đồng vay tiền không có tài sản bảo đảm" và được công chứng tại Văn phòng C1 tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ thời điểm hợp đồng được công chứng viên công chứng. Hai bên thỏa thuận lãi suất được thực hiện "theo lãi suất Ngân hàng tại thời điểm hiện tại của khoản tiền vay" và được thanh toán theo định kỳ vào ngày 20 dương lịch hàng tháng. Bà C đã giao đầy đủ tiền cho bà P. Đến thời hạn trả nợ, bà C nhiều lần yêu cầu bà P trả tiền nhưng bà P vẫn không thực hiện. Do đó, bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Ngọc P phải trả nợ cho bà C. Theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị C yêu cầu bà Nguyễn Ngọc P trả số tiền nợ gốc 1.700.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 16/01/2024 là 214.712.328 đồng, tổng cộng là 1.914.712.328 đồng theo mức lãi suất trong hạn là 10%/năm và lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn; đồng thời, buộc bà P phải tiếp tục trả lãi tính từ ngày 17/01/2024 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất đã nêu trên.

Ngoài ra, nguyên đơn không có tranh chấp gì khác.

- Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn (bà Nguyễn Ngọc P) trình bày: Do phía bị đơn không có mặt trong suốt quá trình tố tụng nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương phát biểu tại phiên tòa:

Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 12/11/2022 có chứng thực tại Văn phòng C1 số công chứng 00002539, quyển số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD thì nguyên đơn bà C có cho bị đơn bà P vay số tiền 1.700.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất vay theo mức lãi suất Ngân hàng, thời hạn vay 12 tháng.

Hiện nay, nguyên đơn bà C cho rằng đã nhiều lần yêu cầu bị đơn bà P thanh toán số tiền trên nhưng bị đơn bà P vẫn chưa thanh toán nên khởi kiện yêu cầu như trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết đầy đủ các thủ tục tố tụng cho bị đơn nhưng không ghi nhận được ý kiến của bị đơn nên bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình. Như vậy, giữa nguyên đơn bà C, bị đơn bà P tồn tại hợp đồng dân sự vay tài sản có kỳ hạn, có lãi, việc bị đơn bà P đến hạn nhưng không thanh toán số tiền vay trên đã vi phạm sự thỏa thuận của các bên, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ đối với số tiền gốc phải thanh toán 1.700.000.000 đồng, tiền lãi.

Căn cứ vào các chứng cứ của đương sự cung cấp, Toà án thu thập và quy định định của pháp luật tại Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Ngọc P trả nợ số tiền vay và lãi 1.914.712.328 đồng. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đã nêu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[1.2] Quá trình xác minh thu thập chứng cứ thể hiện phía bị đơn bà Nguyễn Ngọc P hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[1.3] Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Ngọc P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Ngọc P theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện về tiền gốc:

Ngày 12/11/2022, bà Nguyễn Thị C có cho bà Nguyễn Ngọc P vay số tiền 1.700.000.000 đồng. Hai bên có lập "Hợp đồng vay tiền không có tài sản bảo đảm" và được công chứng tại Văn phòng C1, tỉnh Bình Dương theo số công chứng 00002539, quyển số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/11/2022. Theo nội dung hợp đồng đã nêu, các bên thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng kể từ thời điểm hợp đồng được công chứng viên công chứng. Lãi suất được nêu trong hợp đồng là "theo lãi suất Ngân hàng tại thời điểm hiện tại của khoản tiền vay" và được thanh toán theo định kỳ vào ngày 20 dương lịch hàng tháng. Đến thời hạn trả nợ, bà C nhiều lần yêu cầu bà P trả tiền nhưng bà P vẫn không thực hiện. Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu bà P phải trả nợ cho bà C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Ngọc P tham gia tố tụng nhưng bà P vắng mặt không có lý do. Vì vậy, bà Nguyễn Thị C đã yêu cầu Tòa án tiến hành giám định chữ ký tên "Phi" và chữ viết ghi họ tên

"Nguyễn Ngọc P" cùng với dấu vân tay ngón trỏ phải, ngón trỏ trái của bà Nguyễn Ngọc P tại mục Bên A (Ký và ghi rõ họ tên) trang 3 trên chứng cứ "Hợp đồng vay tiền không có tài sản bảo đảm" ngày 12/11/2022 được công chứng tại Văn phòng C1, tỉnh Bình Dương theo số công chứng 00002539, quyển số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/11/2022 để xác định bà Nguyễn Ngọc P có vay của bà Nguyễn Thị C tổng số tiền 1.700.000.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 2512/KL-KTHS(TL-ĐV) ngày 15/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận chữ ký viết tên "Phi", chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay mang tên "Nguyễn Ngọc P" trên các tài liệu giám định là do cùng một người ký, viết và in ra. Do đó, có đủ căn cứ xác định việc bà Nguyễn Ngọc P có vay của bà Nguyễn Thị C số tiền 1.700.000.000 đồng là hoàn toàn có thật và đến thời hạn thanh toán phía bà Nguyễn Ngọc P không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ là vi phạm các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, bà C yêu cầu bà P phải trả số tiền lãi tạm tính đến ngày 16/01/2024 là 214.712.328.000.000 đồng theo mức lãi suất trong hạn là 10%/năm và lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn; đồng thời, buộc bà P phải tiếp tục trả lãi tính từ ngày 17/01/2024 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất đã nêu trên. Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 12/11/2022, bà P có vay của bà C tổng số tiền 1.700.000.000 đồng và có thỏa thuận sẽ hoàn trả số tiền này cho bà C trong thời hạn 12 tháng (tức là ngày 12/11/2023). Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ, bà P đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho bà C như đã cam kết. Nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, cần xem xét việc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc 1.700.000.000 đồng này. Về mức lãi suất, tại Điều 3 "Hợp đồng vay tiền không có tài sản bảo đảm" thể hiện lãi suất "các bên tự thỏa thuận" và còn ghi nhận thêm "*lãi suất vay theo Ngân hàng tại thời điểm hiện tại của khoản tiền vay nêu tại Điều 1 Hợp đồng này*". Tuy nhiên, các bên không xác định mức lãi suất cụ thể là bao nhiêu hoặc theo mức lãi suất của Ngân hàng nào. Do đó, không xác định được mức lãi mà các bên đã giao kết nên áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 2 Điều 5; Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm) để xác định tiền lãi. Theo đó, tiền lãi được xác định như sau:

- Lãi trong hạn (10%/năm): Từ ngày 12/11/2022 đến ngày 12/11/2023 là 12 tháng (01 năm):

1.700.000.000 đồng x 10%/năm = 170.000.000 đồng (1).

- Lãi quá hạn (150% lãi trong hạn): Từ ngày 13/11/2023 đến ngày 16/9/2024 là 10 tháng 03 ngày:

1.700.000.000 đồng x 10%/năm x 10 tháng 03 ngày x 150%

= (14.167.000 đồng/tháng x 10 tháng + 472.200 đồng/ngày x 03 ngày) x 150% = (141.670.000 đồng + 1.416.600 đồng) x 150% = 214.629.900 đồng (2).

Tổng số tiền lãi bà P cần phải trả cho bà C là: (1) + (2)

= 170.000.000 đồng + 214.629.900 đồng = 384.629.900 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi bị đơn bà Nguyễn Ngọc P có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị C là 1.700.000.000 đồng + 384.629.900 đồng = 2.084.629.900 (hai tỷ không trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn chín trăm) đồng.

[3] Xét, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về phần thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định + chi phí đi lại 02 lần là 3.530.000 đồng (ba triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng). Do bị đơn không tham gia tố tụng nên nguyên đơn đã yêu cầu giám định và nộp chi phí giám định. Kết quả giám định xác định đúng chữ ký, chữ viết và dấu vân tay trên hợp đồng là của bị đơn nên bị đơn phải chịu và nộp chi phí giám định hoàn trả cho nguyên đơn là 3.530.000 đồng.

[5] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Ngọc P phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 4, 5, 26, 35, 39, 68, 147, 161, 186, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với bà Nguyễn Ngọc P về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Ngọc P có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị C số tiền 2.084.629.900 (hai tỷ không trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn chín trăm) đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Nguyễn Ngọc P chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Ngọc P phải nộp 3.530.000 đồng (ba triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng) chi phí giám định để trả lại cho bà Nguyễn Thị C.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Ngọc P phải nộp số tiền 73.692.598 (bảy mươi ba triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn năm trăm chín mươi tám) đồng.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 34.720.685 đồng (ba mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi ngàn sáu trăm tám mươi lăm) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002735 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/9/2024).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Xuân Nam